

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ KUIN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST
Ngày 03 - 8 -2020
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Dương Diễm

Ông Nguyễn Nữ Ước

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Tâm Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2020/TLST-HNGĐ ngày 28/4/2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị HD Êban, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Số 282 đường 19/5, phường T, thành Phố B, tỉnh Đắk Lắk.

(Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh La Văn Th, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn S, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/3/2020 và các lời khai quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị HD Êban trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 25/02/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung với nhau tại thôn S, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và có với nhau một con chung nhưng dần dần sau đó thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn với nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng thường hay cãi vã và xô xát lẫn nhau. Do không thể sống chung được với bị đơn nên nguyên đơn đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của mình sống ly thân với bị đơn từ đó cho đến nay đã được 05 năm. Nay nguyên đơn thấy vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Quá trình chúng sống nguyên đơn với bị đơn có một con chung là cháu La Thành T, sinh ngày 10/3/2013, hiện nay đang được bị đơn nuôi dưỡng và chăm sóc. Vì vậy, sau khi ly hôn nguyên đơn đồng ý giao con chung cho bị đơn được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cháu cho đến khi đủ tuổi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con, nguyên đơn tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi cháu La Thành T đủ tuổi thành niên.

Về tài sản và nợ chung không có nên nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn sau khi thu lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác nhưng bị đơn vẫn không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng giải quyết vụ án nên Tòa án không lấy được lời khai của bị đơn.

Ý kiến của cháu La Thành T tại bản tự khai ngày 01/5/2020 là muốn ở với bố sau khi bố mẹ ly hôn với nhau.

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng, bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 82 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn với bị đơn. Về con chung giao cháu La Thành T, sinh ngày 10/3/2013 cho bị đơn tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến tuổi trưởng thành. Nguyên đơn tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi cháu T đủ tuổi thành niên. Về tài sản và nợ chung không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà HD Êban khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung với bị đơn ông La Văn Th nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án. Do bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại thôn S, xã E, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý và xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn xác lập quan hệ hôn nhân với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 25/02/2013 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa nguyên đơn và bị đơn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng thường hay cãi vã và xô xát lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài nhưng hai bên không tự giải quyết được, nguyên đơn đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của mình sống ly thân với bị đơn đã được 05 năm, vợ chồng không còn tình cảm và không quan tâm gì đến nhau nữa. Như vậy, trong quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã có việc vợ chồng có hành vi bạo lực gia đình và vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn với bị đơn.

[3] Về con chung: Nguyên đơn với bị đơn có một con chung là cháu La Thành T, sinh ngày 10/3/2013, đang được bị đơn nuôi dưỡng và chăm sóc. Hiện nay cháu T đã trên 07 tuổi, nguyện vọng của cháu T là muốn được ở với bố và ý kiến của nguyên đơn cũng đồng ý giao con chung cho bị đơn tiếp tục nuôi dưỡng sau khi vợ chồng ly hôn với nhau. Xét thấy, ý kiến của nguyên đơn và nguyện vọng của cháu T là phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung nên căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu La Thành T cho bị đơn được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi đủ tuổi thành niên.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi cháu La Thành T đủ tuổi thành niên là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần ghi nhận.

[5] Về tài sản và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Bị đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 227, 228, 235, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 khoản 2 Điều 47 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị HD Êban.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị HD Êban được ly hôn với anh La Văn Th.

- Về con chung: Giao cháu La Thành T, sinh ngày 10/3/2013 (hiện đang ở với anh La Văn Th) cho anh La Văn Th trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi đủ tuổi thành niên. Không ai được cản trở quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn của chị HD Êban. Vì lợi ích của con và theo yêu cầu của một trong hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận việc chị HD Êban tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu La Thành T mỗi tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng), kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi đủ tuổi thành niên.

- Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

- Về án phí: Chị HD Êban phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0007064 ngày 24/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk, chị HD Êban còn phải nộp tiếp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm. Anh La Văn Th không phải chịu án phí sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Chi Cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã E;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Quốc Định